

Bản án số: 85/2026/HS-ST
Ngày: 12/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thung.

2. Ông Ngô Văn Bi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 41/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2026/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Võ Tấn T**, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1997; tại Đồng Tháp; Giới tính: Nam; Số CCCD: 087097000921; cấp ngày 02 tháng 10 năm 2023, Nơi cấp: Cục C1 về TTXH – Bộ C2; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 7/12; Cha: Võ Xuân L, sinh năm 1967; Mẹ: Võ Thị N, sinh năm 1977; Anh em ruột có 03 người; Vợ: Lê Thị Kim T1, sinh năm 2000 (đã ly hôn); Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 23/11/2025, chuyển tạm giam từ ngày 26/11/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

+ Nguyễn Ngọc H (X), sinh năm 1983. (xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

+ Nguyễn Thanh T2 (D), sinh năm 1989. (có mặt)
Địa chỉ: ấp L, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

+ Cao Minh Á, sinh năm 1996. (xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

+ Lê Minh H1, sinh năm 1975. (xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Nguyễn Hồng L1, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

+ Nguyễn Minh T3, sinh năm 2000. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

+ Nguyễn Duy C, sinh năm 1994. (vắng mặt)

Địa chỉ: số A, đường V, khu phố A, phường G, tỉnh Đồng Tháp.

+ Trần Đình Cẩm G, sinh năm 2000. (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

+ Lê Duy Hồng Đ, sinh năm 1990. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: số C Đường số B, khu phố I, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tô Thị Bích Đ1, sinh năm 1968. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố H, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

*** Người làm chứng:**

+ Nguyễn Thanh T4 (Q), sinh năm 2005. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

+ Lê Minh S (M), sinh năm 1987. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 11 năm 2025, trên địa bàn xã T, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo Võ Tấn T đã thực hiện các hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản và trộm cắp tài sản. Cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 20 giờ ngày 12/11/2025, bị cáo và Nguyễn Thanh T4 (Quạ) đến nhà của Nguyễn Ngọc H (X) để chơi. Khoảng 21 giờ cùng ngày, bị cáo hỏi mượn xe mô tô biển kiểm soát 63B8-534.22 của anh H để cùng đi với T4 trả xe của T4 đã mượn, khoảng 15 phút sau thì bị cáo và T4 quay trở lại nhà của anh H và đậu xe 63B8-534.22 trước cửa nhà ngồi chơi. Khoảng 22 giờ thì T4 nhờ anh H đưa giùm T4 về nhà, anh H kêu bị cáo lấy xe mô tô trên đưa T4 về nhà nên bị cáo mới tháo ba ga (dùng để chở bia giao cho khách) ra để đưa T4 về nhà. Sau khi bị cáo đưa T4 về nhà xong thì bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 63B8-534.22 đến nhà anh Lê Minh S (M) chơi và chạy xe ra phía sau nhà của anh S, bị cáo mở yên xe mô tô để kiểm tra thì thấy có giấy mua bán xe, giấy chứng nhận đăng ký xe (cà vẹt) nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt. Đến ngày 13/11/2025, bị cáo đem bán cho cửa hàng xe gắn máy của anh Nguyễn Minh T3 được số tiền là 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng), tiêu xài cá nhân hết.

- Vụ thứ hai: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 13/11/2025, bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 63B8-534.22 đến nhà của Nguyễn Thanh T2 (D) với ý định chiếm đoạt điện thoại của anh T2. Khi bị cáo đến nhà của anh T2 thì bị cáo dừng xe bên ngoài đường đan rồi đi vào gặp anh T2 nói với anh T2 "*anh T2 cho em mượn điện thoại để gọi cho em vợ*" nên anh T2 đồng ý và mở mặt khóa đưa điện thoại di động hiệu Samsung A26 của anh T2 cho bị cáo. Sau khi nhận được điện thoại thì bị cáo bấm số để lên tai nghe nhưng thực tế bị cáo không có gọi điện thoại cho ai và mang điện thoại đi ra xe mô tô biển số 63B8-534.22 đang đậu trước đường đan lên xe chạy đi. Sau đó, bị cáo đem điện thoại bán cho anh Nguyễn Duy C với số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng), tiêu xài cá nhân hết.

- Vụ thứ ba: Khoảng 17 giờ ngày 19/11/2025, bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 63B5- 655.07 của Trần Đình Cẩm G về ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp, khi bị cáo điều khiển xe mô tô ngang qua tiệm sửa mô tô tại ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp của anh Cao Minh Á thì lúc này bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại di động của Á nên bị cáo quay đầu xe mô tô lại chạy đến tiệm của anh Á và đậu xe ngoài mé đường tỉnh lộ 877B. Bị cáo đi vào hỏi anh Á "*bạn cho tôi mượn điện thoại gọi cho vợ tôi cái bạn*" thì anh Á đồng ý và lấy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax đưa cho bị cáo. Sau đó, bị cáo bấm số và để điện thoại lên tai nghe nhưng thực tế không có gọi cho ai và đi từ từ ra chỗ đậu xe mô tô sẵn rồi bỏ điện thoại vào túi quần bên trái điều khiển xe chạy đi về hướng M đem bán điện thoại trên cho anh Lê Duy Hồng Đ với giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng) và tiêu xài cá nhân hết.

- Vụ thứ tư: Khoảng 18 giờ 10 phút ngày 21/11/2025, bị cáo đi bộ từ phà B thuộc ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp đến hướng cầu B, khi đi đến nhà ông Lê Minh H1 thì bị cáo đi vào nhà ông H1 nhưng không thấy ai ở nhà, bị cáo phát hiện có một điện thoại di động đang để sạc pin trên đầu tủ lạnh, nên bị cáo gọi "*chú H1 ơi? chú H1 ơi?*", lúc này ông H1 hỏi "*ai vậy?*", bị cáo nói "*con T nè, chú có gì ăn cơm không cho con xin tô cơm?*", ông H1 trả lời "*mày vô nhà tao chi vậy? Không có cơm nước gì hết, mày đi về đi*"; bị cáo ngồi xuống ghế, nghe trong nhà vệ sinh có tiếng dội nước nên biết ông H1 đang tắm trong nhà vệ sinh, bị cáo đi lại chỗ tủ lạnh lấy trộm điện thoại di động hiệu Redmi Note 14 Pro, 256 GB, màn hình cảm ứng, màu đen đang sạc pin bỏ vào túi quần bên trái rồi đi từ từ ra phía đường đê Bàn R hướng về phà B (cách nhà ông H1 khoảng 50 mét) thì trốn vào đám lá (dừa nước, chà là rừng). Trong lúc bị cáo lấy điện thoại thì ông H1 trong nhà vệ sinh nhìn thấy (do cửa nhà vệ sinh chỉ khép hờ) nên rượt theo bị cáo T truy hô và điện thoại báo Cơ quan Công an. Đến khoảng 05 giờ 30 phút ngày 22/11/2025, bị cáo qua phà B đến khu vực phường S, tỉnh Đồng Tháp bán điện thoại vừa trộm được cho bà Tô Thị Bích Đ1 chủ cửa hàng điện thoại Hồng Phúc với số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, bị cáo đi đến nhà của bạn gái tên Trần Đình Cẩm G để rủ bạn gái đi chơi, khi đang trên đường đi chơi thì bị Cơ quan Công an mời về làm việc.

Bản kết luận định giá tài sản số 02 /KL-HĐĐGTS ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã T, tỉnh Đồng Tháp kết luận tài sản là 01 (một) điện thoại Redmi Note 14 Pro 256GB màu đen và 01 (một) Sim điện thoại di động nhà mạng Mobiphone có tổng giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 5.802.000 đồng (năm triệu tám trăm linh hai ngàn đồng).

Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã T, tỉnh Đồng Tháp kết luận tài sản là 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn đen đỏ, biển số đăng ký 63B8-534.22 tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị là 5.250.000 đồng (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung Galaxy A26 5G (Ram 8GB; dung lượng 256GB), màu đen tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị là 3.735.000 đồng (ba triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng) và 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 11 Pro max 64GB tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị là 7.360.000 đồng (bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tài liệu, đồ vật, tài sản tạm giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave Alpha, màu trắng bạc, biển số 63B5- 655.07, số khung RLHJA392XNY516155, số máy JA39E2979329;

Về trách nhiệm dân sự: Lê Minh H1, Cao Minh Á, Nguyễn Hồng L1, Nguyễn Thanh T2 đã nhận lại toàn bộ tài sản nên không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, anh Nguyễn Minh T3 đã nhận lại số tiền 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm ngàn đồng) nên không yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số: 82/CT-VKSKV2 ngày 05/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố Võ Tấn T về tội “Trộm cắp tài sản”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 1 Điều 175 và khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 1 Điều 175 và khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ Luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Võ Tấn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo từ 6 tháng tù đến 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”,

Xử phạt bị cáo từ 6 tháng tù đến 9 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt bị cáo từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt bị cáo từ 21 tháng tù đến 30 tháng tù.

Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho chị Trần Đình Cẩm G 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave Alpha, màu trắng bạc, biển số 63B5- 655.07, số khung RLHJA392XNY516155, số máy JA39E2979329;.

Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra do các đương sự không yêu cầu và bị cáo tác động người nhà đã bồi thường cho anh T3 xong

Án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng nêu, bị cáo xác định trong quá trình điều tra là tự nguyện khai báo; bị cáo thống nhất với các kết luận định giá tài sản; bị cáo trình bày do không có việc làm nên mới chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo xác định đã thực hiện các hành vi như: Trộm cắp tài sản; Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của các bị hại là có tội, không oan, sai. Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, Nhận thấy việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo và bị cáo cũng đồng ý tiếp tục xét xử, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục xét xử vắng mặt những người này.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; biên bản lời khai người bị hại; người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường; các Kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Bị cáo Võ Tấn T có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể:

3.1 Về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản: Khoảng 20 giờ ngày 12/11/2025, tại nhà của anh H, bị cáo lợi dụng sự quen biết với anh H, nên mượn 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn đen đỏ, biển số 63B8-534.22 có giá trị là 5.250.000 đồng, do anh H là người đang chiếm giữ, quản lý hợp pháp, để chờ người bạn về, sau đó bị cáo đem xe đi bán lấy tiền tiêu xài. Như vậy hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội 'Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản' theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự

3.2 Về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản: lần 1 : Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 13/11/2025 tại ấp L, xã T, tỉnh Đồng Tháp bị cáo có hành vi gian dối là nói với anh T2

"anh T2 cho em mượn điện thoại để gọi cho em vợ", anh T2 tưởng thật nên đưa điện thoại cho bị cáo, thực chất thì bị cáo không có gọi điện thoại cho ai, sau đó bị cáo chiếm đoạt của anh T2 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A26 5G (Ram 8GB; dung lượng 256GB) có giá trị 3.735.000đ.

Lần 2 : khoảng 17 giờ ngày 19/11/2025 tại ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp bị cáo đã có hành vi gian dối hỏi anh Á "*bạn cho tôi mượn điện thoại gọi cho vợ tôi cái bạn*" anh Á tưởng thật nên đưa điện thoại cho bị cáo, thực chất thì bị cáo không có gọi điện thoại cho ai, sau đó bị cáo chiếm đoạt của Á 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max 64GB, có giá trị là 7.360.000đ

Tổng giá trị bị cáo chiếm đoạt là 11.095.000 đồng (mười một triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Như vậy, bị cáo đã có hành vi gian dối đối với các bị hại, làm cho bị hại tưởng thật và giao tài sản cho bị cáo, sau đó bị cáo chiếm đoạt. Do đó, hành vi này của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội ‘Lừa đảo chiếm đoạt tài sản’ theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

3.3 Về hành vi Trộm cắp tài sản: Khoảng 18 giờ 10 phút ngày 21/11/2025, tại ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp lợi dụng lúc anh H1 đang ở trong nhà vệ sinh, bị cáo lén lút chiếm đoạt của anh H1 01 (một) điện thoại Redmi Note 14 Pro 256GB cùng 01 (một) Sim điện thoại có tổng giá trị là 5.802.000 đồng (năm triệu tám trăm linh hai nghìn đồng).

Như vậy hành vi này của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội ‘Trộm cắp tài sản’ theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với anh Nguyễn Minh T3, chị Tô Thị Bích Đ1, anh Nguyễn Duy C và anh Lê Duy Hồng Đ đã nhận mua các tài sản do bị cáo chiếm đoạt. Tuy nhiên, tại thời điểm nhận mua anh T3, chị Đ1, anh C và anh Đ hoàn toàn không biết tài sản trên do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

[4] Xét về động cơ và mục đích phạm tội: Bị cáo đủ khả năng để nhận biết được rằng, hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác trái pháp luật là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo cố ý thực hiện. Bị cáo là người có đủ sức khỏe để học tập, lao động nuôi sống bản thân và gia đình, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, thích tiêu xài nhưng không chịu lao động chân chính mà trong khoảng thời gian ngắn, bị cáo thực hiện nhiều hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại, như là trộm cắp tài sản; lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, đồng thời gây mất trật tự ở địa phương nên phải bị xử lý theo pháp luật hình sự.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2

Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo đã 2 lần thực hiện hành vi lừa đảo, mỗi lần giá trị đều trên 2.000.000đ, nên phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội 2 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Các anh Lê Minh H1, Cao Minh Á, Nguyễn Thanh T2; Nguyễn Hồng L1, đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

Đối với người có quyền lợi liên quan Tô Thị Bích Đ1 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 3.000.000đ nên ghi nhận.

Đối với anh Nguyễn Minh T3 yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm ngàn đồng), tại phiên tòa bị cáo tác động người nhà bồi thường cho anh T3, anh T3 đã nhận tiền xong và không yêu cầu gì khác, nên ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave Alpha, màu trắng bạc, biển số 63B5- 655.07, số khung RLHJA392XNY516155, số máy JA39E2979329 đây là xe của chị Trần Đình Cẩm G, bị cáo mượn đi thực hiện tội phạm, chị G không biết nên trả lại chị G.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[9] Qua xem xét những chứng cứ buộc tội, những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

1.1 Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025;

Tuyên bố bị cáo Võ Tấn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Võ Tấn T 06 (sáu) tháng tù.

1.2 Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38; Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025;

Tuyên bố bị cáo Võ Tấn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Võ Tấn T 09 (chín) tháng tù.

1.3 Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều

50; Điều 38; Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025;

Tuyên bố bị cáo Võ Tấn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.
Xử phạt bị cáo Võ Tấn T 06 (sáu) tháng tù.

** Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025;*

Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 3 tội “Trộm cắp tài sản”; “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 23/11/2025

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho chị Trần Đình Cẩm G 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave Alpha, màu trắng bạc, biển số 63B5- 655.07, số khung RLHJA392XNY516155, số máy JA39E2979329

(Tang vật theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/3/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Đ và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2)

Thi hành khi án có hiệu lực.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. (Trường hợp vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan THA hình sự CA tỉnh Đồng Tháp;
- Phân trại tạm giam Gò Công;
- Trại tạm giam số 2 công an tỉnh Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo;
- Bị hại; người tham gia tố tụng khác;
- Bộ phận THA Hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Lắm

